

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học” tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt văn kiện dự án Hỗ trợ kỹ thuật “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (VFBC)” do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Ban quản lý dự án “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học” tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban quản lý dự án “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học” tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 04/TTr-BQLDA.VFBC ngày 31/01/2023 và Tờ trình số 18/TTr-BQLDA.VFBC ngày 28/02/2023; của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 429/SNVP-TCBC ngày 06/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ban quản lý dự án “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học” tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (đề b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; (đề b/cáo);
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, NN.
(MC12.03.23)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUY CHẾ

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học” tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.
2. Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.
3. Quyết định số 1689/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Văn kiện Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học” do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ.
4. Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Ban quản lý dự án “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học” tỉnh Thanh Hóa.
5. Các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 2590/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 về việc bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc; số 2692/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 về việc bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban quản lý dự án “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học” tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Thông tin chung về dự án.

1. Tên dự án: Dự án Hỗ trợ kỹ thuật “Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn đa dạng sinh học (gọi tắt là dự án VFBC)”.
2. Tên nhà tài trợ: Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID).
3. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của dự án:

a) Mục tiêu tổng quát:

- Giảm phát thải khí nhà kính và tăng khả năng hấp thụ các-bon trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên và rừng trồng của Việt Nam;
- Bảo tồn đa dạng sinh học ở những khu vực rừng có giá trị cao về đa dạng sinh học của quốc gia.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Giảm phát thải khí nhà kính do chuyển đổi và suy thoái rừng tự nhiên;
- Tăng hấp thụ các-bon thông qua công tác quản lý rừng bền vững và quản lý tốt hơn rừng trồng sản xuất;
- Cải thiện chất lượng, đa dạng sinh học và năng suất rừng sản xuất là rừng tự nhiên;
- Duy trì và tăng cường chất lượng rừng ở những tỉnh có giá trị bảo tồn cao;
- Bảo vệ và cân bằng các quần thể động vật hoang dã ở các Vườn Quốc gia, các Khu bảo tồn loài và sinh cảnh tại các tỉnh có giá trị bảo tồn cao.

4. Thời gian bắt đầu và kết thúc dự án:

Thực hiện trong 6 năm, từ năm 2021 đến hết năm 2026 (bao gồm cả thời gian quyết toán dự án hoàn thành).

5. Tổng vốn dự án: 646.082 triệu đồng, tương đương 27,87 triệu USD.

6. Nguồn vốn và cơ chế tài chính:

a) Vốn viện trợ không hoàn lại từ USAID: 579.550 triệu đồng, tương đương 25 triệu USD (mỗi hợp phần 12,5 triệu USD) do Nhà tài trợ trực tiếp quản lý.

b) Vốn đối ứng bằng tiền mặt: 66.542 triệu đồng, tương đương 2,87 triệu USD trong đó:

- Trung ương: 15.420 triệu đồng (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí cho các hoạt động ở cấp Trung ương);
- Các tỉnh: 51.122 triệu đồng (do Ủy ban nhân dân các tỉnh bố trí cho hoạt động quản lý dự án tại tỉnh).

Điều 3. Thông tin về dự án tại tỉnh Thanh Hóa

1. Nội dung thực hiện dự án tại tỉnh: Tỉnh Thanh Hóa tham gia dự án ở hợp phần Quản lý rừng bền vững, gồm 05 tiểu hợp phần:

a) Tiểu hợp phần 1: Cải thiện Quản lý rừng của cộng đồng dân cư/Quản lý rừng có sự tham gia của người dân.

b) Tiểu hợp phần 2: Thúc đẩy phát triển sinh kế bền vững cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng.

c) Tiểu hợp phần 3: Tăng cường thực thi pháp luật đối với các vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

d) Tiêu hợp phần 4: Cải tiến giải pháp kỹ thuật quản lý rừng sản xuất.

e) Tiêu hợp phần 5: Huy động các nguồn lực cho Quản lý và bảo vệ rừng.

2. Tổng vốn thực hiện dự án tại tỉnh: 2,224 triệu USD (tương đương 51.556 triệu đồng, áp dụng tỷ giá nêu trong Văn kiện dự án: 01 USD = 23.182 VNĐ); Trong đó:

a) Vốn ODA từ dự án: 2,0 triệu USD

b) Vốn đối ứng từ Ngân sách tỉnh: 5.198 triệu đồng (khoảng 0,224 triệu USD) cấp cho Ban quản lý dự án tỉnh để phục vụ cho công tác quản lý dự án.

3. Thời gian, phạm vi thực hiện dự án:

a) Thời gian thực hiện: 06 năm (Từ 2021- đến hết tháng 12/2026).

b) Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn toàn tỉnh (trừ huyện Mường Lát và các thôn, bản khu vực tiếp giáp đường biên giới trên phạm vi toàn tỉnh).

4. Thông tin về Chủ dự án và Ban quản lý dự án tại tỉnh

a) Chủ dự án tại tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa

b) Ban quản lý dự án:

- Tên giao dịch: Ban quản lý dự án “Quản lý Rừng bền vững và Bảo tồn Đa dạng sinh học” tỉnh Thanh Hóa.

- Tên viết tắt: Ban quản lý dự án VFBC tỉnh Thanh Hóa

- Địa chỉ: Số 23, đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại: 02373.722.185; Email: vfbcthanhhhoa@gmail.com.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ dự án tại tỉnh, quản lý trực tiếp các hoạt động của Ban quản lý dự án tại tỉnh;

b) Ban quản lý dự án VFBC tỉnh Thanh Hóa trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ban quản lý dự án là đầu mối giúp chủ dự án quản lý, phối hợp tổ chức thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, nội dung hoạt động tại Văn kiện dự án, Sở tay hướng dẫn thực hiện dự án (PIM), quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của nhà tài trợ.

c) Ban quản lý dự án hoạt động theo những nguyên tắc sau đây:

- Do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng thương mại để thực hiện dự án và quản lý tài chính theo quy định của Nhà nước và Nhà tài trợ;

- Hoạt động theo sự quản lý và phân cấp của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo Văn kiện dự án được duyệt;

- Hoạt động theo sự chỉ đạo và hướng dẫn trực tiếp của Ban quản lý dự án Trung ương về các nội dung liên quan đến các hoạt động của dự án trên địa bàn tỉnh, tuân thủ các cam kết trong Hiệp định tài trợ;

- Bảo vệ bí mật quốc gia, mở rộng quan hệ quốc tế theo quy định;

- Lương, phụ cấp và chi phí hoạt động của Ban quản lý dự án được phân bổ từ ngân sách Nhà nước và các quy định tài chính khác theo quy định.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 5. Lập kế hoạch thực hiện dự án

1. Căn cứ Văn kiện dự án được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt, Ban quản lý dự án tỉnh chủ trì phối hợp với Ban quản lý dự án Trung ương và Nhà thầu thực hiện hợp phần quản lý rừng bền vững (DAI), các đơn vị có liên quan tại địa phương để xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện dự án tại tỉnh, tham mưu cho Chủ dự án trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Trên cơ sở Kế hoạch tổng thể thực hiện dự án được UBND tỉnh phê duyệt, hàng năm Ban Ban quản lý dự án có trách nhiệm phối hợp cùng Ban quản lý dự án Trung ương và nhà thầu (DAI) lập và trình Chủ dự án phê duyệt kế hoạch chi tiết làm cơ sở để triển khai thực hiện.

3. Các bước xây dựng kế hoạch hoạt động thực hiện theo Văn kiện dự án và Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (PIM), được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

Điều 6. Thực hiện hoạt động tuyển chọn và quản lý nhà thầu, tư vấn

1. Tham gia cùng Văn phòng dự án Trung ương và Nhà thầu (DAI) xây dựng điều khoản tham chiếu (TOR) cho các hoạt động có liên quan tại tỉnh và tham gia trong quy trình lựa chọn nhà thầu tư vấn theo quy định.

2. Kiểm tra, giám sát các nhà thầu, tư vấn thực hiện các hoạt động dự án tại tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Đánh giá khối lượng và chất lượng các công việc hoàn thành; nghiệm thu sản phẩm hoàn thành. Tiếp nhận, bàn giao sản phẩm của tư vấn, báo cáo cơ quan chủ quản để áp dụng/sử dụng trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với Văn phòng dự án Trung ương tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo tại tỉnh, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý dự án Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

4. Giám sát, hỗ trợ và tạo điều kiện để các chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế làm việc trên địa bàn tỉnh có hiệu quả theo mục tiêu của dự án.

Điều 7. Quản lý tài chính, tài sản và giải ngân

1. Đối với nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại: Do nhà thầu (DAI) giải ngân trực tiếp và chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng theo các nguyên tắc, quy định, thủ tục viện trợ của nhà tài trợ (USAID).

2. Đối với nguồn vốn đối ứng của tỉnh: Căn cứ vào kế hoạch tổng thể, kế hoạch hàng năm, Ban quản lý dự án tỉnh lập dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định làm cơ sở tham mưu, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đưa vào dự toán ngân sách tỉnh hàng năm để thực hiện. Định mức chi tiêu vốn đối ứng được áp dụng theo hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

3. Quản lý thiết bị, tài sản:

a) Tiếp nhận, xác nhận viện trợ bằng hàng đối với tài sản, trang thiết bị nhận bàn giao từ các nhà thầu cho Ban quản lý dự án tỉnh theo quy định.

b) Khi dự án kết thúc, Ban quản lý dự án có trách nhiệm kiểm kê, bảo quản, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Chủ dự án báo cáo cơ quan chủ quản dự án để báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 8. Công tác hành chính, điều phối dự án và trách nhiệm giải trình

1. Ban quản lý dự án là đại diện của Chủ dự án trong các giao dịch dân sự trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình liên quan đến dự án.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu công việc, Ban quản lý dự án có trách nhiệm:

a) Bố trí, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban quản lý dự án.

b) Thực hiện việc tuyển chọn tổ chức, chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài tham gia thực hiện dự án theo quy định của dự án.

c) Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ để chia sẻ, lưu trữ thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Ban quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

c) Cung cấp thông tin cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong khuôn khổ nhiệm vụ và trách nhiệm được giao.

d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và các Sở, ngành, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện dự án.

đ) Phối hợp với Nhà tài trợ USAID, Nhà thầu DAI thực hiện việc đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc dự án theo nội dung Văn kiện dự án được phê duyệt.

5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác của Ban quản lý dự án theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao thuộc phạm vi hoạt động của dự án trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Công tác giám sát, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện dự án

Tổ chức giám sát, đánh giá tình hình thực hiện dự án và hoạt động của Ban quản lý dự án, bao gồm:

- a) Định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý dự án Trung ương về tình hình thực hiện dự án theo quy định;
- b) Phối hợp với nhà tài trợ, các nhà thầu được nhà tài trợ tuyển chọn, Ban quản lý dự án Trung ương và đơn vị tư vấn để thực hiện đánh giá giữa kỳ và kết thúc dự án theo nội dung văn kiện được phê duyệt.

Điều 10. Công tác nghiệm thu, bàn giao, quyết toán dự án

1. Công tác nghiệm thu, bàn giao

a) Công tác nghiệm thu: Thực hiện theo sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (PIM) được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 800/QĐ-DALN-TCHC ngày 19/7/2021 của Trưởng Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

b) Công tác bàn giao, quản lý tài sản: Thực hiện theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Quyết định 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; các quy định trong PIM và Văn kiện dự án được duyệt.

2. Chế độ kế toán và quyết toán

Thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; Thông tư 111/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; các quy định trong sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (PIM) và Văn kiện dự án được duyệt.

Điều 11. Chế độ họp, hình thức tổ chức cuộc họp

1. Ban quản lý dự án tỉnh tổ chức họp định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng và năm với các tổ chức, cá nhân có liên quan để kiểm điểm, đánh giá và triển khai các hoạt động của dự án theo quy định. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Ban quản lý dự án tỉnh có thể triệu tập và chủ trì (hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc Ban quản lý dự án chủ trì) các cuộc họp đột xuất với các bên liên quan để giải quyết kịp thời công việc phát sinh.

2. Ban quản lý dự án tỉnh có thể áp dụng hình thức họp trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh, hoặc trường hợp cần thiết do một trong các bên đề nghị.

3. Việc quyết định hình thức tổ chức cuộc họp, thành phần mời tham gia do Giám đốc Ban quản lý dự án (hoặc người được giao chủ trì) quyết định.

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Ban quản lý dự án báo cáo tình hình thực hiện dự án tại tỉnh theo quy định về quản lý và sử dụng vốn ODA bao gồm: Báo cáo quý, năm, kết thúc dự án.

2. Điều phối viên Ban quản lý dự án tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp, lập báo cáo tiến độ trình Giám đốc Ban quản lý dự án tỉnh thông qua để gửi cho các đơn vị có liên quan. Báo cáo chuẩn bị theo Mẫu quy định của dự án dựa trên thông tin tổng hợp từ các nguồn sau:

a) Thông tin cập nhật kết quả và tiến độ từ nhà thầu (DAI) thực hiện dự án.

b) Thông tin cập nhật tiến độ thực hiện từ các cán bộ được phân công phụ trách các tiểu hợp phần.

c) Thông tin thực địa từ người hưởng lợi và các bên liên quan, đảm bảo tính khách quan và nhiều chiều của thông tin cho các báo cáo.

3. Các cán bộ được giao phụ trách hoạt động chịu trách nhiệm:

- Thường xuyên cập nhật thông tin về tiến độ thực hiện từng hoạt động của hợp phần tại tỉnh.

- Cuối quý, cung cấp thông tin cập nhật về tiến độ thực hiện hoạt động dự án tại tỉnh cho Điều phối viên Ban quản lý dự án để tổng hợp lập báo cáo.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 13: Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban quản lý dự án VFBC tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh, bao gồm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và các thành viên, gồm: Điều phối viên, phụ trách kế toán, kế toán dự án, nhân viên hành chính, cán bộ phụ trách tiểu hợp phần, lái xe; Ban quản lý dự án làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và chuyên trách, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Giám đốc Ban quản lý dự án phân công. Ban quản lý dự án tự giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Giám đốc, Phó Giám đốc Ban quản lý dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định; các thành viên dự án do Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT quyết định điều động cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo Giám đốc Ban quản lý dự án ký hợp đồng lao động đối với một số vị trí trong Ban quản lý dự án, đảm bảo đúng đối tượng, số

lượng và vị trí việc làm theo quy định của pháp luật và thống nhất của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 10994/UBND-NN ngày 27/7/2021.

Điều 14. Giám đốc Ban quản lý dự án

Giám đốc Ban quản lý dự án quản lý chung và chịu trách nhiệm toàn diện về các nhiệm vụ của Ban quản lý dự án; điều hành công việc theo chế độ thủ trưởng; thực hiện các nhiệm vụ theo Đề cương nhiệm vụ đã được UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 10994/UBND-NN ngày 27/7/2021, cụ thể như sau:

1. Đại diện thẩm quyền của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc quản lý dự án; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT và trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động của dự án.

2. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động và ngân sách của dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phối hợp hiệu quả các hoạt động của dự án với các chương trình trong nước và quốc tế có liên quan.

3. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban quản lý dự án; chỉ đạo, điều hành các hoạt động của dự án theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

4. Thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Giám đốc Ban quản lý dự án tỉnh và các nhiệm vụ khác được Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

Điều 15. Phó Giám đốc Ban quản lý dự án

Phó Giám đốc là người giúp cho Giám đốc tổ chức quản lý, điều hành một số lĩnh vực công tác theo sự phân công hoặc ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ theo Đề cương nhiệm vụ đã được UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 10994/UBND-NN ngày 27/7/2021, cụ thể như sau:

1. Giúp việc cho Giám đốc Ban quản lý dự án về mua sắm đấu thầu, kế hoạch và quản lý tư vấn.

2. Rà soát, kiểm tra kế hoạch hoạt động và ngân sách từng hoạt động của dự án. Hoàn thiện kế hoạch tổng thể, kế hoạch hàng năm, tham mưu văn bản cho Giám đốc Ban quản lý dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phối hợp hiệu quả các hoạt động của dự án với các chương trình trong nước và quốc tế có liên quan.

3. Chủ trì theo dõi và đôn đốc việc thực hiện kế hoạch từng tiểu hợp phần và toàn dự án. Chỉ đạo các hoạt động truyền thông của dự án theo từng tiểu hợp phần.

4. Thực hiện nhiệm vụ được Giám đốc Ban quản lý dự án ủy quyền, phân công.

Điều 16. Các thành viên khác của Ban quản lý dự án

1. Các thành viên khác của Ban quản lý dự án thực hiện các nhiệm vụ, đảm bảo hiệu quả theo đúng Đề cương nhiệm vụ, vị trí việc làm đã được UBND tỉnh

thống nhất tại Công văn số 10994/UBND-NN ngày 27/7/2021 và hợp đồng lao động đã ký.

2. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban quản lý dự án về nội dung, chất lượng các công việc được giao; cụ thể:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật, của dự án và sự điều hành của Giám đốc dự án trong công tác thực hiện dự án;

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công và các công việc khác được giao;

c) Duy trì mối quan hệ tốt với đồng nghiệp và các cơ quan liên quan. Báo cáo trung thực và đầy đủ các công việc được giao theo định kỳ và hàng tháng;

d) Tích cực học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và năng lực công tác thông qua các hoạt động của dự án;

đ) Phối hợp với Ban quản lý dự án Trung ương và các nhà thầu trong việc tổ chức, thực hiện các hoạt động của dự án trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ;

e) Đóng góp đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 17. Chế độ đãi ngộ

1. Các thành viên trong Ban quản lý dự án được điều động làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định hiện hành.

2. Các vị trí do Giám đốc Ban quản lý dự án tuyển dụng, ký hợp đồng lao động chuyên trách thực hiện dự án, làm việc toàn thời gian, được hưởng lương, phụ cấp quản lý dự án và các chế độ khác theo quy định đối với lao động hợp đồng.

3. Các thành viên Ban quản lý dự án làm việc theo chế độ kiêm nhiệm sử dụng máy tính, trang thiết bị văn phòng hiện có của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ của dự án. Đối với các thành viên Ban quản lý dự án làm việc theo chế độ chuyên trách được dự án cấp, phát trang thiết bị cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của dự án.

4. Thành viên Ban quản lý dự án được cử đi công tác trong và ngoài tỉnh được thanh toán công tác phí và tiền thuê phòng nghỉ theo quy định hiện hành hoặc theo quy định của dự án (nếu sử dụng nguồn kinh phí ODA).

5. Thành viên Ban quản lý dự án và cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị được cử tham gia các Hội nghị, hội thảo, các chương trình đào tạo, tập huấn, tham quan học tập ở trong nước và nước ngoài thuộc nội dung chương trình, dự án, thực hiện theo quy định của dự án và pháp luật Việt Nam.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 17. Đối với Ban quản lý dự án Trung ương

Ban quản lý dự án chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá toàn diện của Ban quản lý dự án Trung ương đối với từng tiểu hợp phần của dự án theo nội dung Văn kiện dự án và Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (PIM), có trách nhiệm báo cáo với Ban quản lý dự án VFBC Trung ương theo quy định.

Điều 18. Đối với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

1. Là quan hệ cấp dưới phục tùng cấp trên; chịu sự chỉ đạo, quản lý toàn diện của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong suốt quá hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Báo cáo UBND tỉnh định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 19. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị trực thuộc

1. Ban quản lý dự án chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có trách nhiệm báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết đến các vấn đề liên quan đến dự án đối với những nội dung vượt thẩm quyền của Ban quản lý dự án.

2. Ban quản lý dự án phối hợp với các đơn vị, tổ chức trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong các hoạt động của dự án nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có cán bộ tham gia kiêm nhiệm trong Ban quản lý dự án, tạo điều kiện về thời gian, bố trí sắp xếp công việc để cán bộ hoàn hành tốt nhiệm vụ được Ban quản lý dự án phân công.

Điều 20. Đối với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương vùng dự án

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương vùng dự án có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý dự án tỉnh triển khai các hoạt động của dự án thuộc các tiểu hợp phần theo nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo theo Văn kiện dự án và Kế hoạch tổng thể thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh. Trường hợp phát sinh khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án, Giám đốc Ban quản lý dự án có trách nhiệm báo cáo với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc báo cáo trực tiếp bằng văn bản với UBND tỉnh để được xem xét, giải quyết.

Điều 21. Đối với Nhà thầu thực hiện dự án (DAI)

Ban quản lý dự án tỉnh phối hợp với Nhà thầu (DAI) thực hiện dự án trong công tác lập kế hoạch, triển khai thực hiện và giám sát các hoạt động của dự án theo Văn kiện dự án đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án tại Quyết định số 1689/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/4/2021.

**Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 22. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
 2. Các nhiệm vụ quản lý và thực hiện dự án không được quy định trong Quy chế này sẽ thực hiện theo Văn kiện dự án và Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án (PIM) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.
 3. Giám đốc Ban quản lý dự án có trách nhiệm phổ biến nội dung Quy chế này đến toàn thể thành viên trong Ban quản lý dự án; tổ chức phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; tổ chức quản lý, thực hiện dự án hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Ban quản lý dự án có trách nhiệm đề xuất với Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND tỉnh để được xem xét, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi quy chế cho phù hợp./.
-